

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **376/2025/DS-PT**
Ngày 25-11-2025.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán:

Ông Y Phi Kbuôr;

Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2025/TLPT-DS ngày 06/10/2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là TAND khu vực 10 – Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2025/QĐXX-PT ngày 06/11/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lã Văn V, sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Bà Đàm Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bà La Thị P, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà La Thị P: Chị Phùng Thị D1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk, (văn bản ủy quyền đề ngày 07/10/2024), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nông Thị L; sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lã Văn V, sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền đề ngày 23/01/2025), có mặt.

+ Chị La Thanh T, sinh năm 2001; anh La Tuấn T1, sinh năm 2006; (con bà Đàm Thị D) cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Phùng Văn C, sinh năm 1991; anh Phùng Văn D2, sinh năm 1992; anh Phùng Văn D3, sinh năm 1999 (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); chị Phùng Thị D1, sinh năm 1994 (có mặt); (con bà La Thị P) cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lã Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lã Văn V đồng thời người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị L, trình bày:*

Gia đình ông có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 169 thuộc tờ bản đồ số 38 với diện tích 29.500m² đất nông nghiệp ở thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất: Ông nhận chuyển nhượng từ bà Nông Thị L1 từ năm 1988. Diện tích đất này năm 1999 và năm 2000, UBND xã E đã tiến hành thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ngày 04/12/1998, ông đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tới các cơ quan chức năng. Ngày 12/7/1999 được UBND xã E, huyện K có ý kiến: “Đồng ý cấp”; Ngày 22/4/2002 được Cơ quan địa chính có thẩm quyền có ý kiến: “Đủ điều kiện”; UBND huyện K có Quyết định số: 243801031 ngày 26/12/2002 cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình Lã Văn V đối với thửa đất trên.

Thế nhưng, sau khi gia đình ông được UBND huyện K cấp quyền sử dụng đất do thời kỳ đó vợ ông bị bệnh liên miên, con còn nhỏ đại thì diện tích đất này đã bị hai gia đình là gia đình ông La Văn T2 (em trai của ông, nay đã chết) cùng vợ là Đàm Thị D và gia đình bà La Thị P (em gái ông) cùng chồng là Phùng Văn G (nay đã chết) lấn chiếm phần lớn diện tích. Sau đó, ông đã nhiều lần làm đơn khiếu nại tới các cơ quan chức năng và được UBND xã E tiến hành xem xét giải quyết. Ông đồng ý cắt cho gia đình Lã Văn T3 10.000m², còn lại 19.500m².

Song, gia đình La Văn T2 tiếp tục lấn chiếm tiếp 9.000m² và gia đình Phùng Văn G lấn chiếm 5.500m². Ngoài ra, hai gia đình này còn lấn chiếm luôn con đường đi chung của bà con giáp thửa đất của gia đình ông nêu trên. Năm 2018, ông đã làm đơn khởi kiện bà Đàm Thị D và ông Phùng Văn G về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất trên đến Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và được Tòa án thụ lý. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý thì hai gia đình trên có ý định thỏa thuận với gia đình ông, để muốn giữ được tình cảm anh em nên ông đã làm đơn rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Thế nhưng, sau khi có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì gia đình hai em của ông đã không hợp tác, mặc dù ông đã nhiều lần nhờ đến chính quyền, đoàn thể tác động.

Xét thấy việc hai gia đình bà Đàm Thị D và gia đình bà La Thị P chiếm giữ diện tích đất trên tại thửa đất số 169 thuộc tờ bản đồ số 38 của gia đình ông là vi phạm pháp luật.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xem xét giải quyết buộc bà Đàm Thị D phải trả lại cho gia đình ông diện tích đất lần chiếm 9000m²; buộc bà La Thị P phải trả lại cho gia đình ông diện tích đất lần chiếm 5.500m²; Buộc bà Đàm Thị D phải mở trả lại cho con đường đi chung chiều rộng 4m, chiều dài khoảng 286m.

Hiện nay theo kết quả đo đạc thì diện tích đất bà D lần chiếm là 8.548m² đất trồng cây lâu năm + 300m² đất hồ nước (Trừ diện tích con đường là 444,4m²); diện tích đất bà P lần chiếm là 7.781m². Vì vậy, ông thay đổi một phần nội dung khởi kiện đối với bà D, yêu cầu bà D trả lại diện tích đất 8.548m² đất trồng cây + 300m² đất hồ nước theo kết quả đo đạc; đối với diện tích đất mà bà P đã lần chiếm là lớn hơn diện tích mà ông yêu cầu trả lại, nhưng ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà P trả diện tích đất 5.500m². Ông giữ nguyên yêu cầu mở đường, khôi phục lại lối đi đã được quy hoạch trên bản đồ địa chính.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đàm Thị D trình bày:*

Bà Đàm Thị D kết hôn với em trai ông Lã Văn V là ông La Văn T2 (đã chết năm 2015) từ năm 2000. Sau khi kết hôn bà được biết trước đó chồng bà đã khoanh vùng, khai hoang được một số diện tích đất tại thôn T, xã E và đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì với ông V. Năm 2003 ông V có kiện chồng bà, sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã E và các ngành liên quan giải quyết, cấm mốc, sau đó gia đình bà đã sử dụng ổn định cho đến nay. Sau khi khai hoang gia đình bà trồng hoa màu, sau đó đã tiến hành trồng toàn bộ cây lâu năm (cà phê, mắc ca...). Hiện nay diện tích đất của gia đình bà đã được cơ quan có thẩm quyền đo đạc và thể hiện thông tin chủ sử dụng đất trên bản đồ địa chính. Ngoài phần tranh chấp còn có phần diện tích liền kề, thuộc thửa đất 95, tờ bản đồ số 44, có tổng diện tích hơn 16.000m². Gia đình bà đã tiến hành kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp. Việc ông V cho rằng gia đình bà lần chiếm đất và yêu cầu trả lại diện tích đất 9.000m² là không có căn cứ, bởi vì diện tích đất trên do gia đình bà tiến hành khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 2000 cho đến nay.

Còn về lối đi mà ông V yêu cầu mở theo vị trí chỉ dẫn của ông V là lối đi riêng mà gia đình bà tự mở trên đất của bà, nhằm phục vụ mục đích của gia đình, không phải là lối đi chung, được thể hiện trên bản đồ địa chính.

Vì các căn cứ trên, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà La Thị P đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phùng Thị D1 trình bày:*

Mẹ bà (Bà La Thị P) là em gái của ông Lã Văn V. Năm 1988 mẹ bà cùng bố bà là ông Phùng Văn G (đã chết năm 2021) vào sinh sống tại xã E, huyện K và khoanh vùng, khai phá đất hoang để canh tác. Do diện tích nhiều nên đến năm 2003 gia đình mới có điều kiện có khai hoang đến khu vực đất hiện nay có tranh chấp. Sau khi khai hoang gia đình bà đã trồng hoa màu, sau đó trồng cà phê và sử dụng ổn định cho đến

năm 2018 thì ông V có khiếu nại, nhưng không có cơ sở nên đã rút đơn. Trong quá trình sử dụng đất thì gia đình bà đã đăng ký kê khai và hiện nay diện tích đất đang tranh chấp đã được thể hiện trên bản đồ địa chính, là thửa đất 115, tờ bản đồ số 44, diện tích 7.500m². Năm 2023 gia đình bà đã làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng do ông V khiếu kiện nên nay vẫn chưa được cấp. Đất do gia đình bà khai hoang và sử dụng ổn định đã nhiều năm. Hiện nay ông V cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất là không đúng.

Bà xác định diện tích đất có tranh chấp là đất do bố mẹ bà khai hoang, không phải là đất ông V. Vì vậy, gia đình bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Căn cứ vào 2 và khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 31, 138 235, 236 Luật Đất đai 2024; các Điều 158, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lã Văn V, về việc:

- Yêu cầu bà Đàm Thị D trả lại diện tích đất trả lại diện tích đất 9.000m² (Diện tích đo đạc thực tế là 9.292,5m²).

- Yêu cầu bà La Thị P trả lại diện tích đất 5.500m² (Diện tích đo đạc thực tế là 7.781,3m²).

Vị trí, diện tích của phần đất ông V khởi kiện yêu cầu trả lại nhưng không được chấp nhận được xác định theo bản sao Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/11/2024, của Công ty cổ phần Đ đính kèm bản án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2025, nguyên đơn ông Lã Văn V kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng

cứ, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V trong hạn luật định và ông được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V, thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu của ông V yêu cầu Tòa án buộc bà D, bà P trả lại diện tích đất lấn chiếm đối với thửa đất 169, thấy rằng:

Về nguồn gốc và căn cứ xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 169, tờ bản đồ số 38 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lã Văn V: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lã Văn V cho rằng phần diện tích đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Nông Thị L1. Tuy nhiên ông V không cung cấp được giấy sang nhượng đất giữa ông V với bà L1. Tại Biên bản lấy lời khai bà L1 (bút lục số 112, 113) đều không có căn cứ để xác định thửa đất 169 là do bà L1 chuyển nhượng cho ông V. Ngoài ra, ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông.

Đối với các tài liệu do ông V cung cấp, Tòa án đã tiến hành xác minh. Kết quả, tại văn bản số 337/CNKN ngày 09/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K (bút lục 209) thể hiện: *“Nội dung biến động ngày 11/10/2017 tại mục IV trang 14 của sổ địa chính tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 38 có sai sót, nội dung đúng là xác nhận tiếp tục sử dụng đất tại thửa đất 45, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.548m², được cấp tại Giấy chứng nhận QSDĐ số V 267564. Thửa đất số 169, tờ bản đồ số 38 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Ngoài ra, tại Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND xã E (Bút lục số 183) thể hiện: *“Tại sổ mục kê đất, trang số 172, (Có bản sao kèm theo) chỉ thể hiện thông tin về số thửa, số tờ bản đồ và diện tích của thửa đất 169, không có thông tin về người kê khai QSD đất. Qua kiểm tra sổ sách thì thửa đất 169, diện tích 29.500m² (Bản đồ cũ) chưa có ai đăng ký để cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất mang tên ông Lã Văn V, tại mục 2 thể hiện ông V đăng ký sử dụng tổng diện tích đất 6.168m², phía dưới có thể hiện thửa đất 169, tờ bản đồ 39. Tuy nhiên dòng này đã bị gạch bỏ, còn ai gạch bỏ và lý do gạch bỏ thì UBND xã không nắm được.”*.

Như vậy, việc ông V cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về nội dung này là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu của ông V về việc yêu cầu khôi phục lại đường giao thông đã được quy hoạch trên bản đồ địa chính, thấy rằng:

Tại Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND xã E (Bút lục số 182-183) thể hiện: *“Qua kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính (bản đồ cũ) tờ số 38, được UBND huyện phê duyệt năm 1999. Thì tại phía nam thửa đất số 8,9,10, tờ số 38 có thể hiện đường giao thông trên bản đồ (Trên bản đồ giấy đã được điều chỉnh bằng mực đỏ). Tuy nhiên, đường giao thông thể hiện trên bản đồ không đúng với hiện trạng sử dụng đất, Đường giao thông đã được hộ ông Lã Văn V và hộ bà*

Đàm Thị D lấn chiếm để sử dụng trồng cây lâu năm (cà phê). Theo bản đồ giải thửa (bản đồ cũ) thì vị trí con đường mà hiện nay ông V yêu cầu mở (theo chỉ dẫn của ông V khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ) không phải là phần đất trống thể hiện tại bản đồ cũ”.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định chỉ yêu cầu khôi phục lại đường giao thông đã được quy hoạch trên bản đồ địa chính và không yêu cầu khởi kiện về việc mở lối đi chung. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng yêu cầu của nguyên đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thiếu sót nên cần sửa lại cho phù hợp.

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Lã Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (nay là TAND khu vực 10- Đắk Lắk).

[2] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lã Văn V, về việc:

- Yêu cầu bà Đàm Thị D trả lại diện tích đất trả lại diện tích đất 9.000m² (Diện tích đo đạc thực tế là 9.292,5m²).

- Yêu cầu bà La Thị P trả lại diện tích đất 5.500m² (Diện tích đo đạc thực tế là 7.781,3m²).

Vị trí, diện tích của phần đất ông V khởi kiện yêu cầu trả lại nhưng không được chấp nhận được xác định theo bản sao Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/11/2024, của Công ty cổ phần Đ đính kèm bản án.

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lã Văn V, về việc yêu cầu khôi phục lại con đường đã có trên bản đồ địa chính có chiều rộng 4m, chiều dài 286m. Nguyên đơn ông Lã Văn V không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên nêu yêu cầu sau không có gì khác với yêu cầu trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Lã Văn V phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 10.891.000đ (Mười triệu tám trăm chín mươi một ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 10.891.000đ đã nộp tạm ứng.

[4] Về án phí: Ông Lã Văn V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung